TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N G
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2024/HS-ST
Ngày 23/7/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N G - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Thạnh
Ông Ka Phu Bột

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N G tham gia phiên tòa: Ông Tạ Ngôn Ngộ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: **A Rất Nam G,** Sinh năm 2005; Tại N G, Quảng Nam; Nơi ĐKHKTT và Chổ ở hiện nay: thôn Cà L, xã Cà D, huyện N G, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Cơ tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Rất D (Chết) và bà Bờ Nước Y, sinh năm: 1989; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, Tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 12/02/2021 bị Công an xã Cà D, huyện N G, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với hình thức xử phạt Cảnh cáo. Ngày 04/8/2022 bị Tòa án nhân dân huyện N G tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST. Ngày 10/02/2023, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, cũng như bản án hình sự sơ thẩm nêu trên; tuy nhiên theo bản án bị cáo phạm tội là người chưa thành niên nên căn cứ Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/4/2024 và chuyển tạm giam từ ngày 10/4/2024. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện N G, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo: Bà Lê Thị Tươi – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

+ Bị hại: Ông Ka Phu Ph, Sinh năm 1999; Trú tại Thôn Pà O, xã Cà D, huyện N G, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Thị Sao Mai – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông A Lăng Ph1, Sinh năm: 2003 (Vắng mặt).
Bà Riáh I, Sinh năm: 1979 (Vắng mặt).
Ông BNước L, Sinh năm 1992 (Có mặt).
Ông Riáh H, Sinh năm 2003 (Có mặt).
Cùng trú tại: thôn Tà Đ, xã Tà Bh, huyện N G, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào rạng sáng ngày 07/4/2024, bị cáo G cùng ALăng Ph1, đi từ xã Tà Bh xuống Trung tâm y tế huyện N G để thăm người anh kết nghĩa của Ph1 là BNướch L đang nằm điều trị bệnh. Đến khoảng 01 giờ 45 phút ngày 07/4/2024, khi vào Trung tâm y tế huyện N G thì Ph1 đi một mình đến phòng của L đang nằm điều trị, còn bị cáo G đi một mình đến phòng bên cạnh (buồng bệnh số 2) thuộc Khoa nội - nhi - lây- phục hồi chức năng (gọi tắt là khoa nội) của Trung tâm y tế huyện N G thì thấy có 03 người đang nằm ngủ, gần đó có 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng của ông Ka Phu Ph đang sạc pin để trên giường bệnh gần cửa phía sau của buồng bệnh, trên giường có người phụ nữ đang nằm, bị cáo G lén lút tiến đến rút điện thoại khỏi dây sạc bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng đi ra ngoài và vào phòng vệ sinh, lúc này bị cáo G tháo ốp lưng điện thoại ra thì thấy số tiền 1.700.000đ *(một triệu bảy trăm nghìn đồng)*, bị cáo G lấy toàn bộ số tiền trên và chiếc điện thoại bỏ vào túi quần của bị cáo G. Sau đó, bị cáo G vào phòng L đang nằm và ngồi nói chuyện với Ph1, Ph1 hỏi bị cáo G *"Có tiền không cho mượn để cho L hai trăm ngàn đồng"*, bị cáo G trả lời *"Có"* và đưa cho L số tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)*. Sau khi ra khỏi Trung tâm Y tế huyện N G, bị cáo G và Ph1 đi ăn khuya, bị cáo G sử dụng số tiền đã trộm cắp để trả tiền ăn khuya hết 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, sau đó, bị cáo G tự đưa thêm Ph1 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)*. Ăn khuya xong cả hai về nhà của bị cáo G ngủ. Sáng cùng ngày, bị cáo G đổ xăng cho Ph1 hết 80.000 đồng, sau đó cả hai cùng đi đến nhà của Ríah H để cùng đi ăn sáng. Trên đường đi, bị cáo G lấy tiền trong người ra thì H thấy và hỏi *"Tiền đâu ra"*, bị cáo G trả lời *"Xin của mẹ"*, H nói tiếp *"Cho mượn năm trăm"*, bị cáo G trả lời lại "đi ăn sáng đi, tí về nhà tính, cứ từ từ". Khi ăn sáng xong, Ph1 về nhà của Ph1, còn bi cáo G và H đi về nhà của H, về đến nhà thì H nói *"Đưa năm trăm để tí đỗ xăng xuống Đại Lộc"*, bị cáo G liền đưa cho H số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*, sau đó cả hai đi xuống Đại Lộc. Trên đường đi xuống Đại Lộc, bị cáo G đã trả tiền đổ xăng và sửa đèn xe hết 80.000đ *(tám mươi nghìn đồng)*. Sau đó, bị cáo G và H về nhà H ngủ lại tại đó. Sáng ngày 08/4/2024, bị cáo G đưa cho bà Ríah I (*là mẹ ruột của H)* số tiền 40.000đ *(bốn mươi nghìn đồng)* để mua đồ ăn. Đến trưa cùng ngày, trong lúc ăn trưa tại nhà H thì bị cáo G bị Công an thị trấn Thạnh M mời làm việc. Tại cơ quan Công an thị trấn Thạnh M, bi cáo G đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của mình và giao nộp số tiền còn lại là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* và chiếc điện thoại Iphone 7 Plus đã trộm cắp được nêu trên cho Công an thị trấn Thạnh M.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N G kết luận: 01 *(một)* chiếc Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng, có dán cường lực, số máy NNFT2LL/A,

số seri C37SQVR8HFYO, có gắn sim số 0387745770, có trị giá là: 3.990.000đ *(ba triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 *(một)* chiếc Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng, có dán cường lực, số máy NNFT2LL/A, số seri C37SQVR8HFYO, có gắn sim số 0387745770. Xác định đây là tài sản hợp pháp của bị hại Ka Phu Ph, Cơ quan CSĐT Công an huyện N G ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại ông Ka Phu Ph.

- Tạm giữ số tiền 1.200.000 đồng *(một triệu hai trăm nghìn đồng)*. Gồm:

+ Số tiền bị cáo A Rất Nam G giao nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, số tiền này có nguồn gốc là tiền bị cáo G trộm cắp trong vụ án.

+ Số tiền do ông Bnước L tự nguyện giao nộp là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*, Số tiền do ông ALăng Ph1 tự nguyện giao nộp là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*, Số tiền do ông Ríah H tự nguyện giao nộp là 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)*, Toàn bộ số tiền 1.200.000 đồng *(một triệu hai trăm nghìn đồng)* hiện được tạm gửi tại tài khoản số 03949.0.1053629.00000 của Công an huyện N G tại Kho bạc Nhà nước N G theo Quyết định số 28/QĐ-CSĐT ngày 28/5/2024 của Công an huyện N G.

Về phần trách nhiệm dân sự: Qua làm việc với bị hại ông Ka Phu Ph yêu cầu được nhận lại số tài sản mà bị cáo G đã trộm cắp, gồm: 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng và số tiền 1.700.000đ *(một triệu bảy trăm nghìn đồng)*, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng *(một triệu bảy trăm nghìn đồng)* mà bị cáo G đã trộm cắp, bị cáo và những người liên quan đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 1.200.000 đồng *(một triệu hai trăm nghìn đồng)*, do đó, số tiền này cần phải được trả lại cho ông Ka Phu Ph theo quy định. Số tiền còn lại phải truy thu của bị cáo G để trả lại cho bị hại là 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSNG, ngày 21/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam để xét xử đối với bị cáo A Rất Nam G về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A Rất Nam G phạm tội *"Trộm cắp tài sản';*

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo A Rất Nam G từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A Rất Nam G phải bồi thường cho bị hại ông Ka Phu Ph số tiền 1.700.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án và đồ vật bị tạm giữ trong vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện N G ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức là trả lại cho bị hại ông Ka Phu Ph 01 *(một)* chiếc Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng, có dán cường

lực, số máy NNFT2LL/A, số seri C37SQVR8HFYO, có gắn sim số 0387745770 đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề nghị xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo bà Lê Thị Tươi tại phiên tòa trình bày: Về quan điểm bà nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo G thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Ka Phu Ph có bà Lê Thị sao Mai có bản luận cứ: Về tội danh bà nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo A Rất Nam G về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại nhân lại chiếc điện thoại Iphone 7Plus màu vàng ánh hồng và yêu cầu bị cáo G trả số tiền 1.700.000 đồng.

Tại phần tranh luận bị cáo A Rất Nam G, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo G trình bày lời nói sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt với mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó đã chứng minh được: Vào lúc rạng sáng ngày 07/4/2024, tại Buồng bệnh số 2 thuộc Khoa nội của Trung tâm y tế huyện N G, tỉnh Quảng Nam, bị cáo G đã lợi dụng đêm tối và sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại ông Ka Phu Ph lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 *(một)* chiếc Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng (số máy NNFT2LL/A, số seri C37SQVR8HFYO, có gắn sim số 0387745770) và số tiền 1.700.000 đồng *(một triệu bảy trăm nghìn đồng)* của ông Ka Phu Ph. Theo bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N G kết luận: 01 *(một)* chiếc Iphone 7 Plus màu

vàng ánh hồng, có dán cường lực, số máy NNFT2LL/A, số seri C37SQVR8HFYO, có gắn sim số 0387745770, có trị giá là 3.990.000 đồng *(ba triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)*. Tổng giá trị tài sản là 5.690.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)*. Như vậy, hành vi của bị cáo G đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ và đúng pháp luật, như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, mặc dù thiệt hại tài sản không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại bị nghiêm trị. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu sài, không phải bỏ ra công sức lao động. Bản thân bị cáo G đã từng bị Tòa án nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản; Cụ thể tại Bản án số 08/2022/HS-ST ngày 04/8/2022 xử phạt 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong vào ngày 10/02/2023, tuy nhiên theo bản án bị cáo phạm tội là người chưa thành niên nên căn cứ Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Đáng lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải, tu chí làm ăn nhưng không biết sửa chữa, chỉ vì nhu cầu lợi ích cá nhân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo G rất xem thường pháp luật, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

[4.1] Bị cáo G có nhân thân xấu: Ngày 12/02/2021 bị Công an xã Cà D, huyện N G, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với hình thức xử phạt Cảnh cáo. Ngày 04/8/2022 bị Tòa án nhân dân huyện N G tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST. Ngày 10/02/2023, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, cũng như bản án hình sự sơ thẩm nêu trên; tuy nhiên theo bản án bị cáo phạm tội là người chưa thành niên nên căn cứ Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo A Rất Nam G không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo G đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo G khai gia đình thuộc trường hợp khó khăn tại địa phương, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Đối với đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo bà Lê Thị Tươi đề nghị áp dụng cho bị cáo G thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo G

phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản gì, bản thân bị cáo công việc không ổn định Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Hội đồng xét xử xét thấy Căn cứ vào các Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bị cáo G phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại ông Ka Phu Ph yêu cầu số tiền 1.700.000 đồng. Bị cáo G thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

[9.1] Đối với luận cứ của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Ka Phu Ph. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo G trả số tiền 1.700.000 đồng cho bị hại.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện N G ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức là trả lại cho bị hại ông Ka Phu Ph 01 *(một)* chiếc Iphone 7 Plus màu vàng ánh hồng, có dán cường lực, số máy NNFT2LL/A, số seri C37SQVR8HFYO, có gắn sim số 0387745770 đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.1] Đối với các ông ALăng Ph1, BNước L, Ríah H và bà Ríah I, khi được ARất Nam G cho tiền và cho mượn tiền (đối với H), các ông bà trên không biết số tiền này có được từ việc trộm cắp tài sản. Sau khi biết được số tiền này có được từ việc trộm cắp tài sản, các ông ALăng Ph1, Bnước L, Ríah H đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan chức năng tương ứng với số tiền mình đã nhận được từ bị cáo ARất Nam G. Do đó, việc Cơ quan CSĐT Công an huyện N G không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10.2] Đối với số tiền 1.700.000 đồng *(một triệu bảy trăm nghìn đồng)* mà bị cáo G đã trộm cắp, bị cáo và những người liên quan đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*, do đó số tiền này cần trả lại cho ông Ka Phu Ph theo quy định. Số tiền còn lại là 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* buộc bị cáo A Rất Nam G tiếp tục trả cho bị hại.

[10.3] Đối với đĩa DVD ghi âm, ghi hình vào ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N G tiến hành ghi lời khai đối với bị cáo A Rất Nam G đây là vật chứng, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo A Rất Nam G.

[12]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo A Rất Nam G.

Tuyên bố bị cáo A Rất Nam G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo A Rất Nam G 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 08/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật ình sựi năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo A Rất Nam G bồi thường cho bị hại ông Ka Phu Ph số tiền 1.700.000 đồng, nhưng được trừ số tiền 1.200.000 đồng bị cáo và những người liên quan đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản lập ngày 02/7/2024 của Kho bạc nhà nước N G. Bị cáo A Rất Nam G còn phải nộp 500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án một đĩa DVD ghi âm, ghi hình vào ngày 21/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N G.

Tuyên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 1.200.000 đồng (*Một triệu, hai trăm nghìn đồng*) theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản lập ngày 02/7/2024 của Kho bạc nhà nước N G.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo A Rất Nam G.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Phòng HSNV CA.Quảng Nam
- Đội Tổng hợp CA H N G;
- Phòng HSNV Sở Tư Pháp Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Thi hành án.

Nguyễn Nam Trung